TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tin.
Bà Nguyễn Thị Kiên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YD.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 N 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 N 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Nh, sinh N 1993; địa chỉ: thôn C, xã ĐG, huyện YD, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thành Đ1, sinh N 1991; địa chỉ: thôn C, xã ĐG, huyện YD, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/6/2022, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Nh trình bày:* Chị và anh Nguyễn Thành Đ1 kết hôn ngày 19/01/2018. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐG, huyện YD. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh Đ1 ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hành phúc. Đến khoảng đầu N 2020 thì giữa hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống cũng như bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến đầu N 2022 chị phát hiện anh Đ1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị và hai bên gia đình có

khuyên bảo anh Đ1 nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Gia Đ2, sinh ngày 17/10/2018. Hiện nay con chung đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Đ2. Chị không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Căn cứ để chị đề nghị được nuôi con chung là :

Thứ nhất: Anh Đ1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác từ lâu, nhưng đến tận tháng 4/2022 thì chị mới phát hiện ra sự việc và anh Đ1 cũng đã thừa nhận với chị việc này.Chị còn chụp được hình ảnh tin nhắn trên mạng xã hội Zalo của anh Đ1 và người phụ nữ khác.

Thứ hai: Chị là người chăm sóc và bên cạnh con từ nhỏ, chị luôn chăm sóc yêu thương con hết mực. Anh Đ1 không quan tâm con bằng chị.

Thứ ba: Về điều kiện thời gian thì chị nhiều thời gian hơn anh Đ1, do chị kinh doanh tại gia đình, bán thuốc tân dược nên điều kiện về thời gian thoải mái để chăm con và đưa đón con đi học hơn so với anh Đ1, đồng thời bố mẹ đẻ chị cũng ở gần chị, chị bán hàng thuốc ở cửa hàng sau đó lại về nhà bố mẹ đẻ ở, bố mẹ có thể phụ giúp chị chăm con.

Thứ tư: Thu nhập hàng tháng của chị bình quân từ khoảng 10.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng hoàn toàn đủ điều kiện kinh tế để nuôi con tốt. Cửa hàng của chị luôn Đ1 khách. Chị có đăng ký kinh doanh thuốc tân dược mang tên hộ bà Trần Thị Nh. Chị và anh Đ1 cùng đi thuê cửa hàng để ở, chị bán thuốc vì chị là dược sỹ, còn anh Đ1 đi làm thuê ở phòng khám, làm cả tuần từ thứ hai đến chủ nhật. Ban đầu hai vợ chồng vẫn ở cửa hàng, nhưng từ khi ly thân tháng 6/2022 đến nay thì anh Đ1 về nhà bố mẹ anh Đ1 ở thôn C, xã ĐG ở nhờ. Còn chị thì vẫn ở cửa hàng cùng con và thường xuyên về nhà bố mẹ đẻ chị ở.

Thứ N: Bố mẹ chồng chị là ông Nguyễn Văn N, sinh N 1965 và bà Đào Thị L, sinh N 1965, địa chỉ: thôn C, xã ĐG, huyện YD, tỉnh Bắc Giang có quan điểm đồng ý cho chị nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có gì nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành Đ1 trình bày: Anh xác nhận về thời gian và thủ tục kết hôn như chị Nh trình bày là đúng. Sau khi cưới xong chị Nh về chung sống cùng anh ngay. Vợ chồng có thời gian mấy N đầu chung sống hòa

thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh từ khoảng đầu N 2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống cũng như bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn thì bản thân anh và chị Nh cũng như gia đình hai bên có hòa giải, dàn xếp nhưng không có kết quả. Đến nay hai bên đã sống ly thân nhau, thỉnh thoảng vợ chồng vẫn gặp gỡ trao đổi với nhau nhưng chỉ liên quan đến vấn đề chăm sóc con chung. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Nh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Gia Đ2, sinh ngày 17/10/2018. Hiện nay con chung đang ở cùng chị Nh. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh không đồng ý để chị Nh nuôi con chung, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Đ2. Anh yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Căn cứ để anh đề nghị được nuôi con chung là :

Thứ nhất: Về điều kiện kinh tế, anh đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Hiện nay anh đang làm y sỹ tại phòng khám đa khoa ĐG - Hà Nội, địa chỉ ở thôn C, xã ĐG, huyện YD, thu nhập bình quân là 9.500.000 đồng/01 tháng, ngoài ra anh còn tài khoản tiết kiệm là 300.000.000 đồng.

Thứ hai: Anh ở chung với bố mẹ, bố mẹ anh làm ruộng, ở nhà có đủ thời gian phụ giúp anh chăm sóc con. Thời gian làm việc của anh từ thứ 2 đến thứ 7, làm giờ hành chính, linh hoạt được thời gian, anh cũng làm việc gần nhà nên anh đủ thời gian để chăm sóc con.

Thứ ba: Chị Nh bán thuốc tây, kinh tế không ổn định, cửa hàng thuốc là hai vợ chồng thuê chung.

Còn việc chị Nh trình bày là anh ngoại tình, anh thừa nhận là có nhắn tin như chị Nh khai nhưng đó chỉ là nhắn tin trò chuyện về cuộc sống, công việc, chứ không phải là quan hệ ngoại tình.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nh không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh Đ1 không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị Trần Thị Nh trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên lời khai.

Anh Nguyễn Thành Đ1 trình bày: Giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, tại phiên tòa anh thay đổi là vợ chồng mâu thuẫn từ N 2021 chứ không

phải N 2020. Sau khi anh ly thân với chị Nh, anh về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng gần đây anh lại lên cửa hàng ở cùng chị Nh, anh cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Nh vẫn không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 53,56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28,35, 39; 271, 273, 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội BLTTDS Xử:

Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Trần Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Thành Đ1.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Gia Đ2, sinh ngày 17/10/2018 cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này

Về án phí: Chị Trần Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Nh đã nộp đủ.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Nh là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Thành Đ1, anh Đ1 có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã ĐG, huyện YD, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Về nội dung:

[2.1] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nh và anh Nguyễn Thành Đ1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐG, huyện

YD, tỉnh Bắc Giang vào ngày 19/01/2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh Đ1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nh, Hội đồng xét xử thấy: Chị Nh xin ly hôn anh Đ1, anh Đ1 không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh Đ1 cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn N 2021 và xác nhận đã ly thân từ đầu N 2022 cho đến nay. Chị Nh anh Đ1 đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Chị Nh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống cũng như bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Đ1 thừa nhận việc này là đúng. Ngoài ra chị Nh cho biết nguyên nhân mâu thuẫn còn do chị phát hiện anh Đ1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác vào đầu N 2022.

Qua xác minh tại địa phương thì thấy: Đầu N 2022 thì chị Nh anh Đ1 xảy ra mâu thuẫn, theo dư luận tại địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài và bị chị Nh phát hiện, chị Nh đã cho anh Đ1 cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay, chị Nh xin ly hôn anh Đ1, địa phương đề nghị Tòa án Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, chứng tỏ hôn nhân giữa chị Nh anh Đ1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ2 được. Do vậy, yêu cầu của chị Nh xin ly hôn anh Đ1 là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nh được ly hôn anh Đ1.

[2.2]. Về con chung: Chị Nh anh Đ1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Gia Đ2, sinh ngày 17/10/2018. Hiện nay con chung đang ở cùng chị Nh. Nay ly hôn, chị Nh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Đ2. Phía anh Đ1 không đồng ý để chị Nh nuôi con chung là cháu Đ2, anh cũng đề nghị Tòa án giao cháu Đ2 cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về yêu cầu này của chị Nh anh Đ1, Hội đồng xét xử thấy: Cháu Đ2 hiện đang sinh sống ổn định cùng chị Nh, từ nhỏ đến nay vẫn chủ yếu do chị Nh chăm sóc. Cháu Đ2 còn nhỏ sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ sẽ chu toàn và đảm bảo hơn. Đồng thời chị Nh là dược sỹ kinh doanh tại cửa hàng gia đình sẽ có thời gian, điều kiện đưa đón con hơn so với anh Đ1. Qua xác minh chị Nh có thu nhập ổn định từ 10.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng/ 01 tháng. Ngoài ra phía địa phương và mẹ đẻ của anh Đ1 cũng xác nhận chị Nh là người chăm sóc con từ nhỏ đến nay, chị rất quan tâm, thương yêu con, việc chăm sóc giáo dục con rất đảm

bảo. Mẹ đẻ anh Đ1 là bà Đào Thị L còn đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Đ2 cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì anh Đ1 vẫn ở nhờ nhà ông bà, thi thoảng lại ở phòng Khám không về.

Về phía anh Đ1, Hội đồng xét xử thấy: Bản thân anh Đ1 có dư luận xấu về việc có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh hiện đang làm thuê tại phòng khám chữa bệnh ở xã ĐG, huyện YD. Điều kiện về thời gian để trực tiếp chăm sóc, giáo dục con sẽ không bằng chị Nh. Bản thân anh cũng thừa nhận con chủ yếu là do chị Nh chăm sóc, giáo dục từ bé đến nay.

Do vậy, để cuộc sống của cháu Đ2 được đảm bảo đảm bảo phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần thì Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị Nh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Đ2.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nh không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị Nh nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về phía anh Đ1, trong trường hợp được nuôi con chung, anh đề nghị chị Nh cấp dưỡng nuôi con cùng anh là 2.000.000 đồng/ tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa anh cũng rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung này, đồng thời yêu cầu nuôi con chung của anh không được nhận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Đ1 được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị Nh anh Đ1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Thành Đ1.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trần Gia Đ2, sinh ngày 17/10/2018.

Anh Đ1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ1 thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu thu số 0009596 ngày 01/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YD. Xác nhận chị Nh đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tin **Nguyễn Thị Kiên** **Nguyễn Thị Anh**

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện YD;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện YD;
- UBND xã ĐG;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh